

Bản án số: 163/2022/HS-ST
Ngày 24-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: bà Võ Thị Bời

bà Nguyễn Thị Lý

- *Thư ký phiên tòa:* bà Lê Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N - K Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* ông Bùi Nguyên Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Chung Nghiệp T - sinh năm 1990 tại Khánh Hòa; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 125/29 đường P - phường P - tp. N - Khánh Hòa; Nghề nghiệp: sơn nước; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chung Cẩm V (chết) và bà Trần Thị P (1956); Tiền sự: không; Tiền án: + Bản án số 90/2011/HSST ngày 04/5/2011, Tòa án nhân dân tp. N xử phạt 01 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/4/2012. + Bản án số 153/2013/HSST ngày 28/5/2013 của Tòa án nhân dân tp. N xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/12/2013. + Bản án số 61/2015/HSST ngày 25/3/2015, Tòa án nhân dân tp. N xử phạt 03 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 02 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/9/2020; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn K - sinh năm 1997 tại Khánh Hòa; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 85/44/4 đường P - phường P - tp. N - Khánh Hòa; Nghề nghiệp: sơn nước; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ (1966) và bà Trịnh Thị Kim Y (chết); Tiền sự, tiền án: không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: ông Trần Cao Đ - sinh năm 1964
Trú tại: 118/40 đường C - phường P - tp. N - Khánh Hòa; Vắng mặt.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Văn P - sinh năm 1988
Trú tại: 14/64 đường H - phường P - tp. N - Khánh Hòa; Vắng mặt.
- Người tham gia tố tụng khác:
 - + Người làm chứng: Trương Đắc K - sinh năm 1952; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 02/8/2021, Nguyễn Văn K đi bộ đến khu vực chợ P - phường P - tp. N chơi thì gặp Chung Nghiệp T. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên T rủ K đi trộm cắp tài sản thì K đồng ý. Sau đó cả hai đi bộ quanh khu vực phường P để xem người dân sơ hở sẽ trộm cắp tài sản. Khi đến trước nhà số 118/40 đường C - phường P - tp. N, cả hai phát hiện trong sân nhà dựng 01 xe máy Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 79N9 - 0117 của ông Trần Cao Đ không người trông giữ nên T nói K đứng ngoài canh giới, còn T mở chốt cổng đi vào bên trong sân nhà dắt trộm chiếc xe máy trên. Sau đó, cả hai dắt xe trộm cắp được đến hẻm 85 đường P - phường P - tp. N. Tại đây, K đứng đầu hẻm đợi, còn T dắt xe vào bên trong bán cho Trần Văn P (Dồ) với giá 600.000đ. T chia cho K 150.000đ và cả hai đã sử dụng hết.

Khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, ông Trần Cao Đ phát hiện xe máy của mình bị mất nên đến Công an phường P trình báo sự việc. Ngày 04/8/2021, Công an phường P đưa K về làm việc. Tại đây, K thừa nhận đã cùng với Chung Nghiệp T thực hiện hành vi trộm cắp như đã nêu trên. Sau khi làm việc với cơ quan Công an, K và T đã chuộc lại xe máy trộm cắp trả lại cho chủ sở hữu là ông Trần Cao Đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 310/KL-HĐĐGTS ngày 18/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản - UBND tp. N kết luận: 01 xe máy hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 79N9-0117 có giá trị 4.160.000đ.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKSNT ngày 24/12/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố bị cáo Chung Nghiệp T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 02 năm 6 tháng tù đến 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo K từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị hại Trần Cao Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn P, người làm chứng Trương Đắc K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, hồ sơ thể hiện rõ lời khai của những người này nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định ngày 02/8/2021, lợi dụng sự sơ hở của bị hại là ông Trần Cao Đ, các bị cáo đã lén lút lấy trộm xe máy Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 79N9 - 0117 của ông Đ. Hành vi này của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố các bị cáo với tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo T là người có 03 tiền án về tội xâm phạm sở hữu nhưng bị cáo không lấy đây là bài học để rèn luyện tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo K khi được bị cáo T rủ rê đã tích cực tham gia và đứng cạnh giới cho bị cáo T trực tiếp lấy tài sản của bị hại. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo đã chuộc lại xe trả lại cho bị hại, bị cáo K chưa có tiền sự, tiền án nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo để các bị cáo nhận thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước mà yên tâm cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị hại Trần Cao Đ vắng mặt. Tuy nhiên hồ sơ thể hiện, ông Đ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với Trần Văn P (Dò): Qua xác minh thì P sinh năm 1988 và có địa chỉ cư trú tại 14/64 Hải Đức - p. Phương Sơn - tp. N - K Hòa. Tuy nhiên, hiện nay, P không có mặt tại địa phương. Đi đâu, làm gì địa phương không rõ nên Cơ quan điều tra - Công an tp. N đang tiếp tục tiến hành xác minh làm rõ, khi có cơ sở sẽ tiếp tục xử lý đối với P.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Chung Nghiệp T.

Xử phạt: bị cáo **Chung Nghiệp T 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn K.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Văn K 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Không xét phần trách nhiệm dân sự giữa các bị cáo Chung Nghiệp T, Nguyễn Văn K với bị hại Trần Cao Đ.

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Chung Nghiệp T, Nguyễn Văn K, mỗi bị cáo nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K Hòa;
- VKSND tp. N;
- Công an tp. N;
- Chi cục thi hành án dân sự tp. N;
- Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu THA hình sự, hồ sơ.

Võ Thị Mai Phương